CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Gạch men Thanh Thanh

Ngày 31/03/2025	9,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.1%	-	-

DT thuần
Q1/25
27.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼16.1| -36.7%
YoY: ▼6.90| -19.9%

LN thuần
Q1/25
0.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.90| -91.5%
YoY: ▼0.70| -89.3%

LN sau thuế
Q1/25
0.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.61| -90.2%
YoY: ▼0.56| -89.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
0.3%
YoY: +/-▼ 1.7%

ROE (TTM)
Q1/25
2.2%
YoY: +/-▼ 0.4%

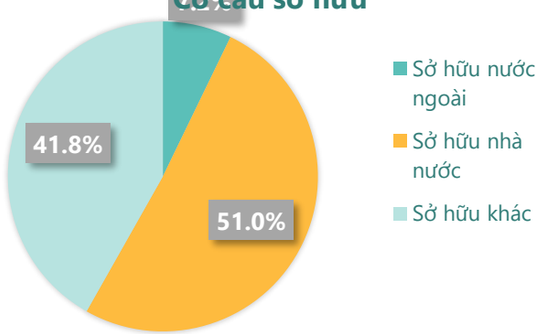
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,000 - 11,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	55
Số lượng CPLH (CP)	5,940,528
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,010
Sở hữu nước ngoài	7.2%
Beta	
EPS	431
P/E	21.4

DT thuần
2024
173
tỷ VNĐ
YoY: ▼55.0| -24.2%

LN thuần
2024
3.72
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.54| -55.0%

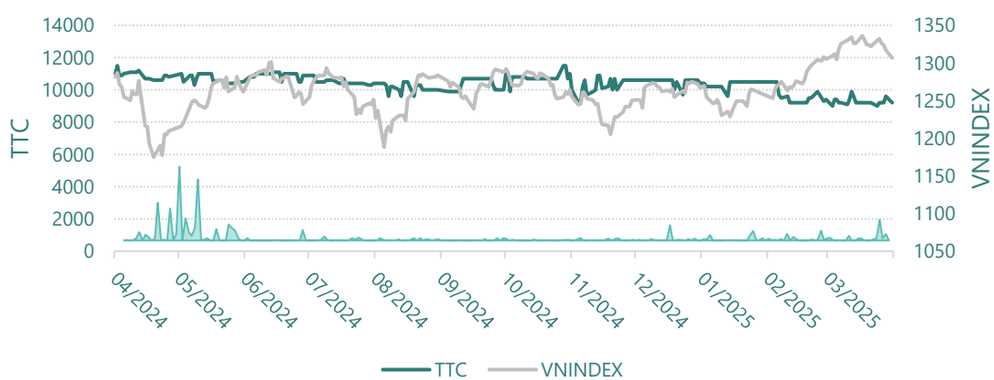
LN sau thuế
2024
3.05
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.52| -59.8%

Cơ cấu sở hữu

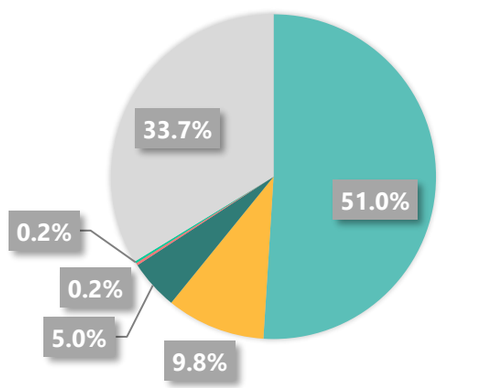


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



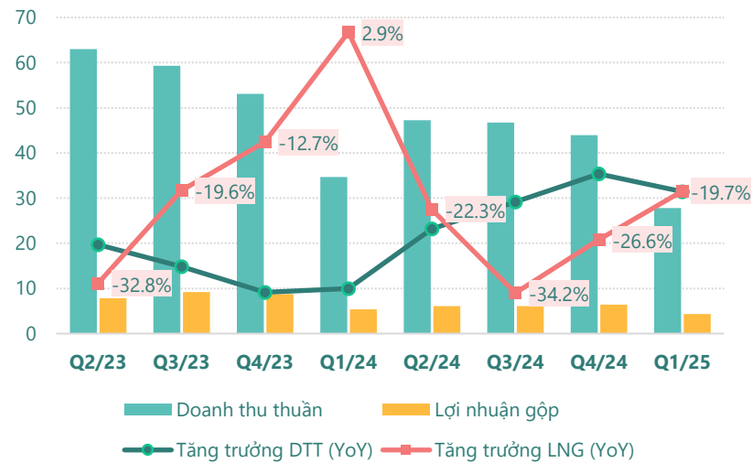
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

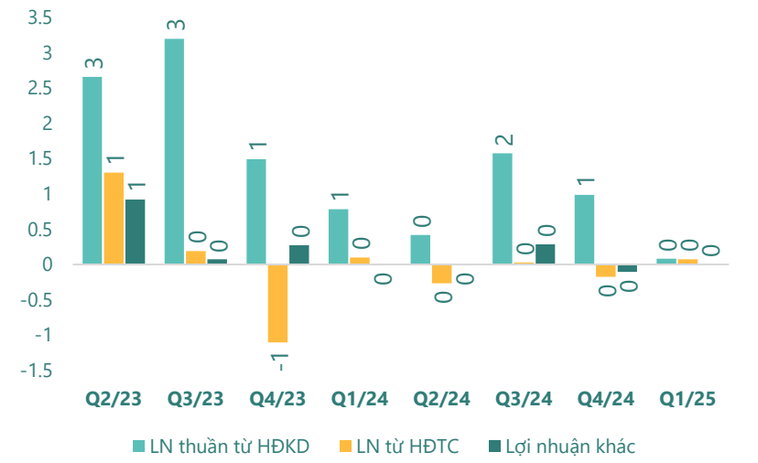
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



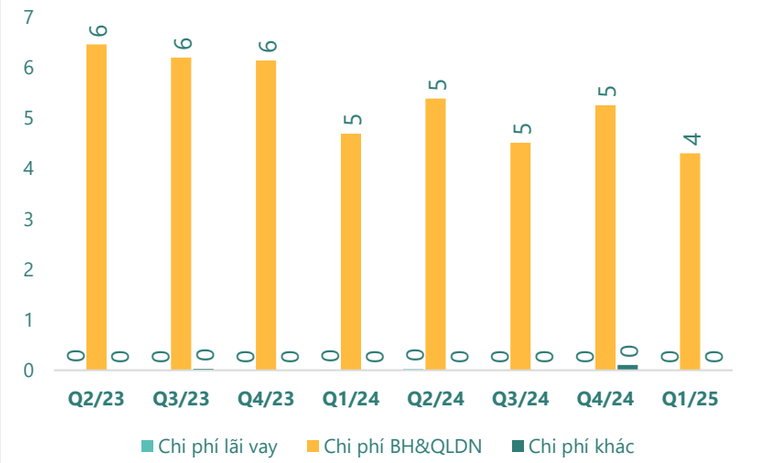
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



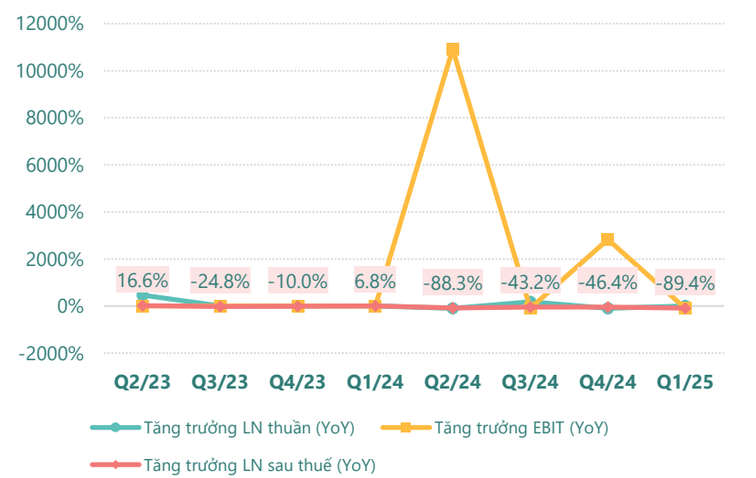
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



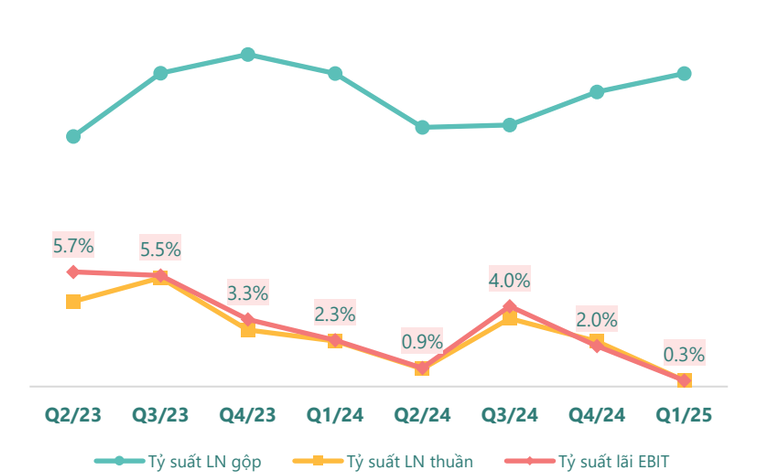
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



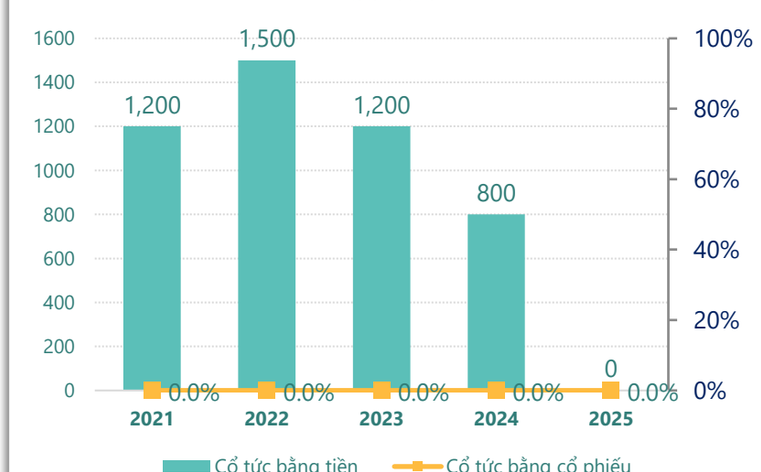
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

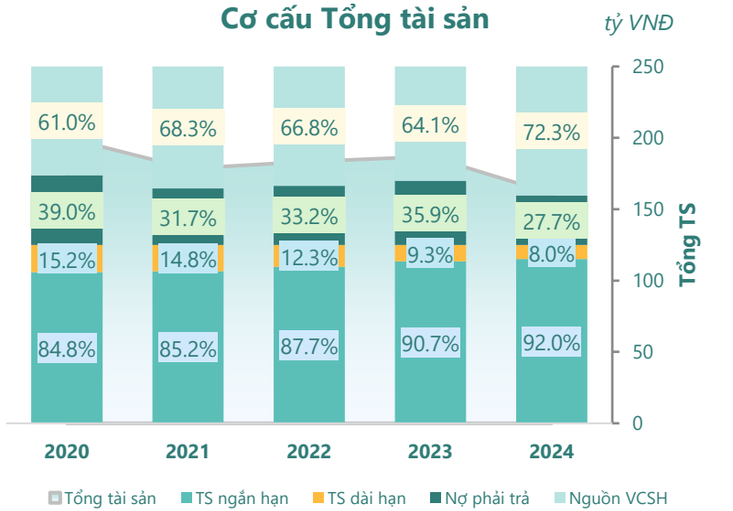
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

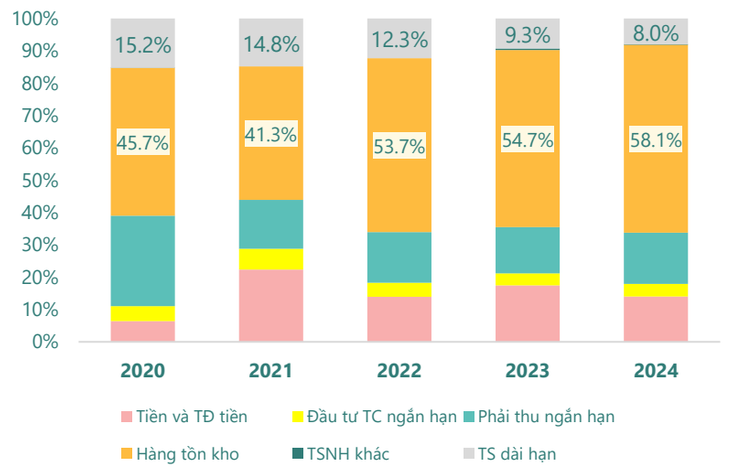
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



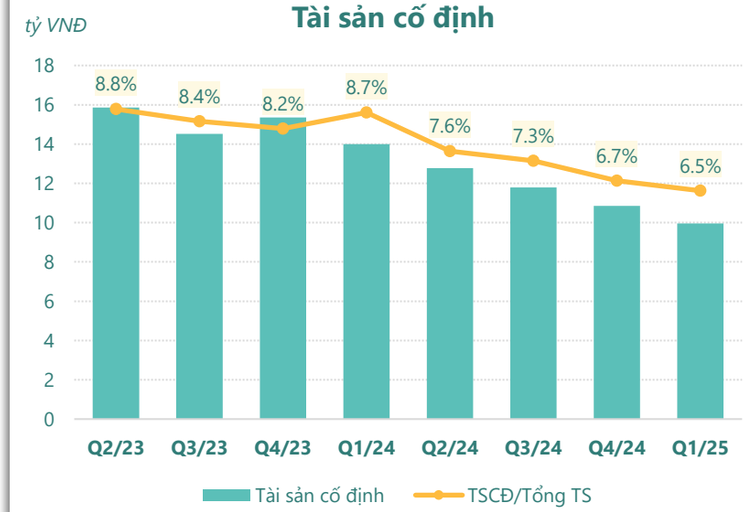
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



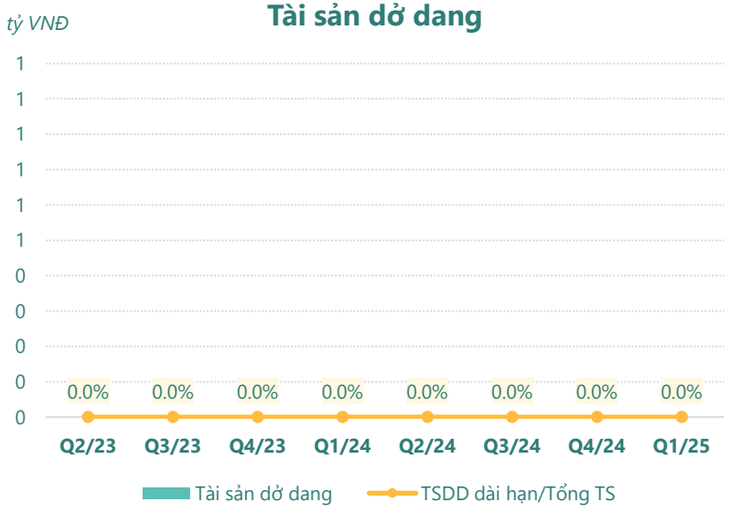
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



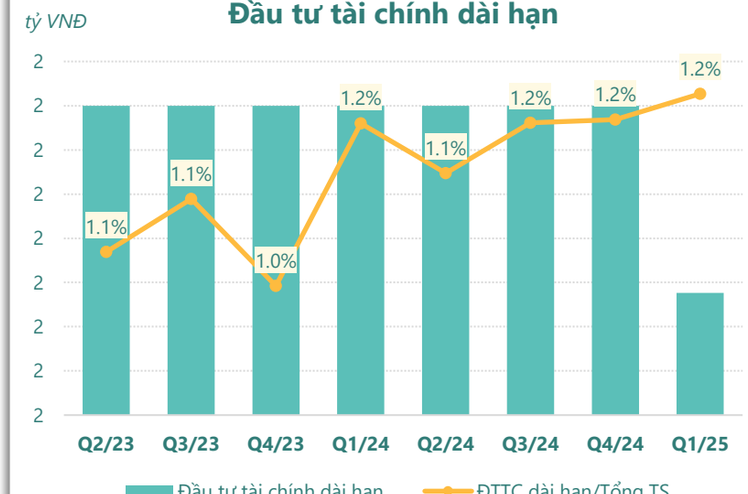
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



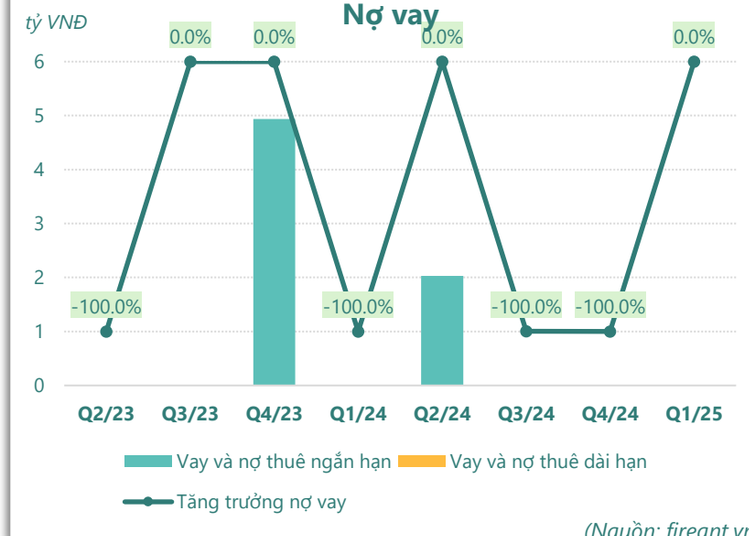
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

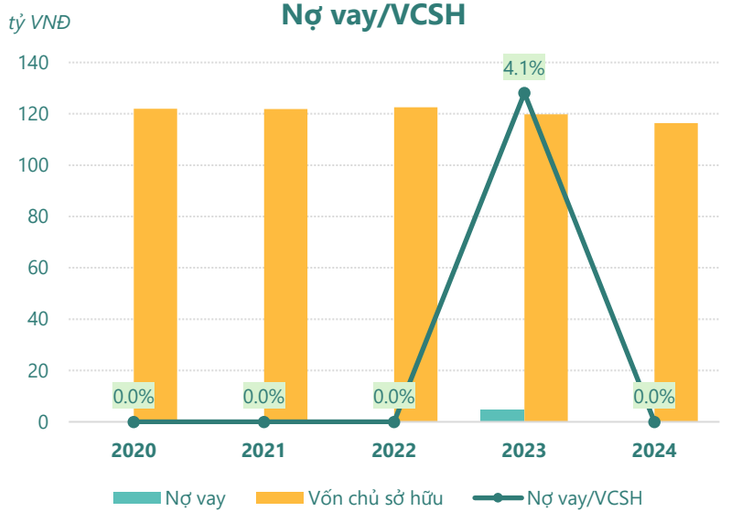
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

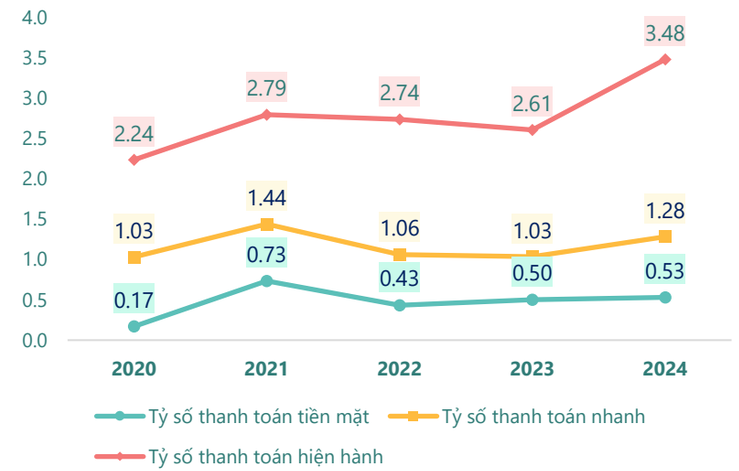
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



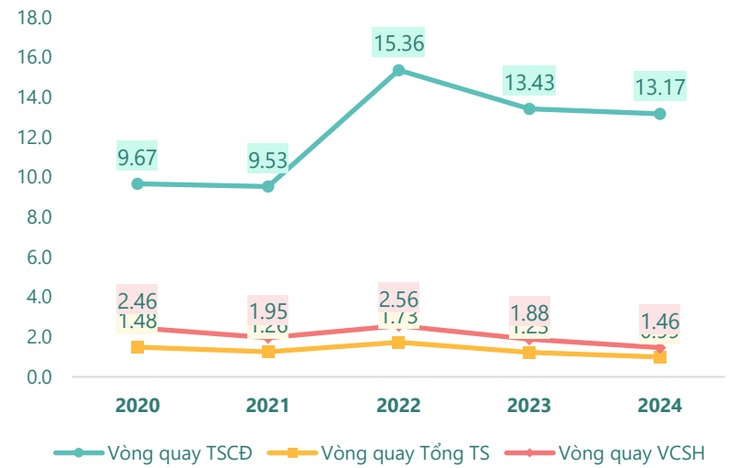
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



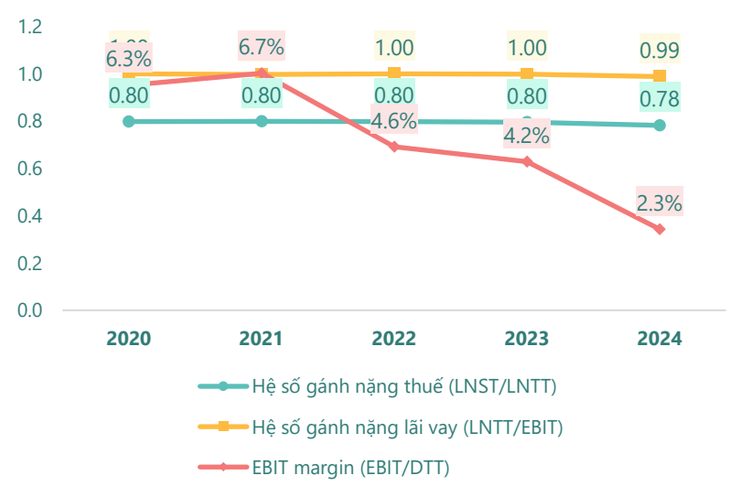
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



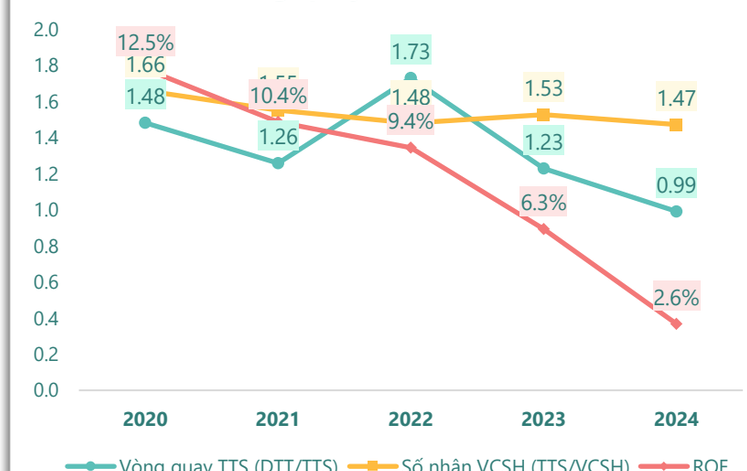
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



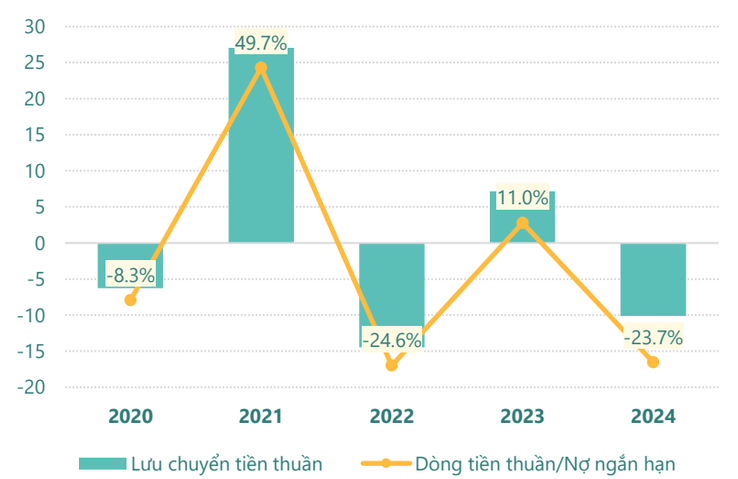
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**27.8**	**34.7**	**-19.9%**	**173**	**228**	**-24.2%**
Giá vốn hàng bán	23.5	29.3	-19.9%	149	197	-24.4%
Lợi nhuận gộp	4.32	5.38	-19.7%	23.9	31.0	-22.8%
Doanh thu HĐTC	0.08	0.15	-48.3%	0.53	0.91	-42.4%
Chi phí TC	0.00	0.05	-90.5%	0.89	0.22	297%
Chi phí lãi vay	0	0.01	-100%	0.05	0.01	449%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.62	0.61	2.0%	4.17	7.37	-43.5%
Chi phí QLDN	**3.69**	**4.08**	**-9.7%**	**15.7**	**16.1**	**-2.3%**
LN thuần từ HĐKD	0.08	0.78	-89.3%	3.72	8.26	-55.0%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0.18**	**1.26**	**-85.9%**
LN trước thuế	0.08	0.78	-89.3%	3.89	9.53	-59.1%
Lợi nhuận sau thuế	**0.07**	**0.63**	**-89.4%**	**3.05**	**7.57**	**-59.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.07**	**0.63**	**-89.4%**	**3.05**	**7.57**	**-59.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.61	-5.00	-2.88	3.16	3.59	1.45
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.45	0.18	0.08	0.36	0.11	0.12
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.93	-9.69	2.03	-2.03	0.00	0
Tiền đầu kỳ	18.7	32.7	18.2	17.4	18.9	22.6
Lưu chuyển tiền thuần	**14.0**	**-14.5**	**-0.78**	**1.49**	**3.70**	**1.57**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.01	0.01	-0.04	0.06	0.00
Tiền cuối kỳ	32.7	18.2	17.4	18.9	22.6	24.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**154**	**161**	**-4.2%**
Tài sản ngắn hạn	142	148	-4.0%
Tiền và tương đương tiền	24.2	22.6	6.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.18	6.18	0.0%
Phải thu ngắn hạn	24.0	25.6	-6.2%
Hàng tồn kho	86.8	93.6	-7.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.07	0.21	419%
Tài sản dài hạn	**11.9**	**12.8**	**-7.0%**
Phải thu dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Tài sản cố định	9.95	10.8	-8.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.88	1.88	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	37.8	44.6	-15.4%
Nợ ngắn hạn	**35.7**	**42.6**	**-16.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	8.96	11.8	-24.2%
Nợ dài hạn	2.04	2.04	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**116**	**116**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**116**	**116**	**0.1%**
Vốn điều lệ	59.9	59.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)